

Số: 12/2025/QĐST-DS

Quận Hai Bà Trưng, ngày 05 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 87/2024/TLST-DS ngày 01/7/2024 về việc: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T1 (G); trụ sở chính: Số A phố T, phường C, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Hữu M** – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Vũ Q** – Phó Giám đốc G1 chi nhánh T2 kiêm Giám đốc G1 – Phòng G2.

(Giấy ủy quyền số 32/2022/UQ-TGD ngày 13/9/2022 và văn bản số 32/2023/UQ-TGD ngày 26/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Giấy ủy quyền số 25/2022/UQ-TGD ngày 07/9/2022);

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông **Đỗ Minh D**; ông **Đỗ Đức D1** và bà **Phạm Thị Ánh T**; Địa chỉ liên hệ: Số A phố T, phường Đ, quận H, Hà Nội (Giấy ủy quyền số 013/2024/UQ-PDD ngày 21/6/2024);

Bị đơn: Ông **Phạm Đình B** – sinh năm 1980;

Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1989;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị H1** – sinh năm 1973; HKTT: Số A ngách H phố L, phường Đ, quận H, Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ tín dụng: Xác định tính đến hết ngày 20/01/2025, ông Phạm Đình B và bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng G toàn bộ số tiền tạm tính là: 1.467.962.682 đồng (*Một tỷ, bốn trăm sáu bảy triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng*), bao gồm: Nợ gốc: 1.197.140.151 đồng; nợ lãi trong hạn: 175.753.789 đồng; nợ lãi quá hạn: 18.560.090 đồng; phạt chậm trả lãi: 11.261.026 đồng; số tiền hoàn ưu đãi lãi suất: 65.247.626 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 0417/2022/PDD-KT22/HDTD ngày 06/9/2022 và Giấy nhận nợ số 0417/2022/PDD-KT22/HDTD ngày 06/09/2022. Lãi vay tiếp tục phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 0417/2022/PDD-KT22/HDTD ngày 06/9/2022 và Giấy nhận nợ số 0417/2022/PDD-KT22/HDTD ngày 06/09/2022.

2.2. Về thời hạn và phương thức trả nợ:

2.2.1. Ông Phạm Đình B và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên và lãi suất phát sinh theo lộ trình như sau:

- Chậm nhất trước ngày 10/3/2025: Thanh toán 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng chẵn*);
- Chậm nhất trước ngày 10/4/2025: Thanh toán 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng chẵn*);
- Chậm nhất trước ngày 10/5/2025: Thanh toán 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng chẵn*);
- Chậm nhất trước ngày 10/6/2025: Thanh toán 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng chẵn*);
- Chậm nhất trước ngày 31/7/2025 tất toán toàn bộ dư nợ còn lại cộng số tiền hoàn ưu đãi lãi suất và lãi phát sinh (Theo hợp đồng tín dụng số

0417/2022/PDD-KT22/HDTD ngày 06/9/2022 và Giấy nhận nợ số 0417/2022/PDD-KT22/HDTD ngày 06/09/2022) tính đến thời điểm tất toán.

2.2. 2. Trường hợp ông Phạm Đình B và bà Nguyễn Thị H vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào theo cam kết tại mục trên (trả không đủ số tiền cam kết hoặc trả không đúng thời gian cam kết) thì Ngân hàng có quyền thu hồi toàn bộ khoản nợ đồng thời có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 68 theo Giấy chứng nhận số BY 943178, sổ vào sổ cấp GCN: CH-00104 do UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 07/7/2015 mang tên bà Phạm Thị H1 tại địa chỉ thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang, để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

2.2.3. Nếu tài sản bảo đảm cho khoản vay khi phát mại vẫn không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng G thì ông Phạm Đình B và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả xong nợ vay theo đúng hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký.

3. Về án phí: Ông Phạm Đình B và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên thì phải làm thành văn bản gửi cho Toà án. Hết thời hạn này, mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

2.4. Về án phí: Do các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa nên Bị đơn là ông Phạm Đình B và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm là: 28.019.439 đồng (*Hai mươi tám triệu, không trăm mười chín nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng*).

Hoàn trả Ngân hàng T1 (G) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.350.600 đồng (*Hai mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn, sáu trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **0024070** ngày

28/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Hoàng Phương